UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1051 /QĐ-UBND.HC	*Đồng Tháp, ngày 29 tháng 09 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thành phố Cao Lãnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1397/QĐ-UBND.HC ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cao Lãnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của UBND thành phố Cao Lãnh tại công văn số 1813/UBND-HC ngày 12/8/2022 về việc trình thẩm định đồ án Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thành phố Cao Lãnh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 1955/SXD-KTQH.HTKT ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Biên bản số 152/BB-UBND ngày 22/9/2022 của UBND Tỉnh về nội dung nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Cao Lãnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thành phố Cao Lãnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi nghiên cứu: Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính thành phố Cao Lãnh , tỉnh Đồng Tháp.

3. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

3.1. Vị trí 01: Điều chỉnh, bổ sung thêm phân khu PK14 *(Khu đô thị Phường 6 và xã Tịnh Thới).*

- Quy mô điều chỉnh khoảng 216,0ha.

- Ranh giới được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp rạch Cái Tôm.

+ Phía Nam giáp rạch Sông Tiên.

+ Phía Đông giáp đất nông nghiệp và đường Sở Tư Pháp – Tân Việt Hòa.

+ Phía Tây giáp đất dân cư và đường Phạm Hữu Lầu.

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh điều chỉnh từ đất ở nhà vườn, đất nông nghiệp thành đất ở xây dựng mới.

3.2. Vị trí 02: Điều chỉnh, bổ sung Khu dân cư ấp Tịnh Long.

- Quy mô khoảng 18,0ha.

- Ranh giới được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp đường N2B.

+ Phía Nam giáp rạch Sông Tiên.

+ Phía Đông giáp đất nông nghiệp.

+ Phía Tây giáp đất nông nghiệp.

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh từ đất nông nghiệp thành đất ở xây dựng mới.

3.3. Vị trí 03: Điều chỉnh hướng tuyến của trục đường D8 theo hướng điểm cuối của đường D8 kết nối với vị trí bến đò mới.

3.4. Vị trí 04: Điều chỉnh mở rộng đất công nghiệp tại khu vực thành lập cụm công nghiệp Quảng Khánh từ đất ở mật độ thấp thành đất công nghiệp.

- Quy mô khoảng 17,78ha.

- Ranh giới được xác định như sau:

+ Phía Tây Bắc giáp đất nông nghiệp.

+ Phía Đông Bắc giáp đất nông nghiệp.

+ Phía Đông Nam giáp đất nông nghiệp.

+ Phía Tây Nam Cụm công nghiệp Quảng Khánh giai đoạn 1.

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh đất ở thành đất công nghiệp.

3.5. Vị trí 05: Điều chỉnh tầng cao của phân khu PK8 *(khu vực Phường 6)* từ 01 – 05 tầng thành 01 – 10 tầng với nội dung điều chỉnh tầng cao công trình công cộng *(khu vực trường Đại học Đồng Tháp)* và công trình thương mại dịch vụ từ 01 - 05 tầng thành 01 - 10 tầng.

4. Cơ cấu sử dụng đất trước và sau khi điều chỉnh:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Giai đoạn 2025 - 2030 *(Các chỉ tiêu được duyệt theo Quyết định số 1397/QĐ-UBND.HC)*		Giai đoạn 2025 - 2030 *(Nội dung điều chỉnh)*			So sánh (+ tăng/ - giảm)	
		Diện tích trong ranh QH(ha)	Chỉ tiêu m²/ người	Diện tích trong ranh QH(ha)	Chỉ tiêu m²/ người	Tỉ lệ (%) tính trên đất dân dụng	Diện tích trong ranh QH(ha)	Chỉ tiêu m²/ người
A	**Đất xây dựng đô thị**	**5.856,78**	**164,06**	**6.044,67**	**153,42**		**187,89**	**-10,64**
I	**Đất dân dụng**	**4.468,36**	**125,16**	**4.637,46**	**117,70**	**100,00**	**169,10**	**-7,46**
1	Đất ở	3.236,19	90,65	3.302,68	83,82	71,22	66,49	-6,83
1.1	*Đất đơn vị ở hiện hữu chỉnh trang*	*786,03*	-	*786,03*	-	*16,95*	-	-
1.2	*Đất đơn vị ở xây dựng mới*	*1.715,53*	-	*1.866,20*	-	*56,51*	*150,68*	-
1.3	*Đất đơn vị ở xây dựng mới mật độ thấp*	*304,28*	-	*257,52*	-	*32,76*	*-46,76*	-
1.4	*Đất ở nhà vườn*	*430,36*	-	*392,94*	-	*21,06*	*-37,42*	-
2	Đất công cộng	462,51	12,96	475,51	12,07	10,25	13,00	-0,89
2.1	*Đất công cộng đô thị*	*70,83*	-	*73,33*	-	*1,58*	*2,50*	-
2.2	*Đất cơ quan*	*64,95*	-	*64,95*	-	*1,97*	-	-
2.3	*Đất trung tâm y tế*	*25,23*	-	*25,23*	-	*3,21*	-	-
2.4	*Đất văn hóa*	*29,96*	-	*32,96*	-	*1,77*	*3,00*	-
2.5	*Đất trung tâm thể dục thể thao*	*23,02*	-	*23,02*	-	*8,94*	-	-
2.6	*Đất trung tâm nghiên cứu đào tạo*	*122,36*	-	*122,36*	-	*31,14*	-	-
2.7	*Đất trường trung học phổ thông*	*16,86*	-	*18,86*	-	*3,97*	*2,00*	-
2.8	*Đất thương mại dịch vụ*	*109,30*	-	*114,8*	-	*156,55*	*5,50*	-
3	Đất cây xanh đô thị	33,31	0,93	59,31	1,51	1,28	26,00	0,58
4	Đất giao thông đối nội	613,67	17,19	677,28	17,19	14,60	63,61	0,00
5	Đất khác	122,67		122,67		2,65	-	-
5.1	*Đất hỗn hợp*	*104,81*	-	*104,81*	-	*2,26*	-	-
5.2	*Đất tôn giáo, tín ngưỡng*	*17,86*	-	*17,86*	-	*0,39*	-	-
II	**Đất ngoài dân dụng**	**1.388,42**	**-**	**1.407,21**	**-**	**-**	**18,79**	**-**
1	Đất du lịch	655,08	-	655,08	-	-	0,00	-
2	Đất công nghiệp và hậu cần	356,57	-	371,43	-	-	14,86	-
3	Đất kho tàng bến bãi	-	-	-	-	-	-	-
4	Đất cây xanh cách ly	125,67	-	128,6	-	-	2,93	-
5	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	7,77	-	8,77	-	-	1,00	-
6	Đất giao thông đối ngoại	110,02	-	110,02	-	-	-	-
7	Đất an ninh quốc phòng	133,30	-	133,30	-	-	-	-
B	**Đất khác**	**4.869,82**	**-**	**4.681,93**	**-**	**-**	**-187,89**	**-**
1	Đất dự trữ phát triển	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất nông nghiệp	3.114,27	-	2.926,38	-	-	-187,89	-
3	Mặt nước	1.755,55	-	1.755,55	-	-	-	-
C	**Tổng cộng**	**10.726,60**	**300,46**	**10.726,60**	**272,25**	**-**	**-**	**-28,21**

Điều 2. Giao UBND thành phố Cao Lãnh:

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán và bố trí kinh phí thực hiện.

- Cập nhật các nội dung điều chỉnh được phê duyệt tại Điều 1 vào đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Cao Lãnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định.

- Tổ chức công bố, công khai đồ án nêu trên để các tổ chức, cơ quan có liên quan và nhân dân trong khu vực quy hoạch biết và thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế một phần Quyết định số 1397/QĐ-UBND.HC ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cao Lãnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tỉnh và Chủ tịch UBND thành phố Cao Lãnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC/ĐTXD.nbht

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Thiện Nghĩa